

Nội dung cơ bản của phạm trù tín trong Nho giáo tiền Tần

Nguyễn Thanh Bình¹, Nguyễn Minh Tuấn²

Tóm tắt: Phạm trù tín trong Nho giáo tiền Tần hiện chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện, khách quan và khoa học. Trong bộ *Tứ thư*, nội dung cơ bản trong phạm trù tín của Nho giáo tiền Tần thể hiện ở 3 điểm sau: tín là một phẩm chất đạo đức trong quan hệ bằng hữu (bạn bè); tín là một phẩm chất, đạo đức trong quan hệ xã hội; tín là một phẩm chất đạo đức của nhà vua.

Từ khóa: Tín; Nho giáo; tiền Tần.

Abstract: The category of “fidelity” in the pre-Qin Confucianism has not been researched in a sufficient, comprehensive, objective and scientific manner. In the *Four Books* of Confucianism, the fundamental contents in the category of the pre-Qin Confucianism were demonstrated in the following 3 aspects: fidelity as a moral quality in the relationship of friends; fidelity as a quality and an ethical aspect in social relations; and, fidelity as a moral quality of the monarch.

Keywords: Fidelity; Confucianism; pre-Qin.

1. Mở đầu

Nho giáo nói chung, Nho giáo tiền Tần (hay Nho giáo nguyên thủy, Nho giáo Khổng - Mạnh) nói riêng bao gồm tư tưởng về triết học, chính trị - xã hội, đạo đức, giáo dục, quản lý xã hội. Các học thuyết này đan xen, hoà quyện vào nhau. Nhưng về cơ bản, Nho giáo là một học thuyết chính trị - xã hội và đạo đức. Trong nhiều mối quan hệ của con người, Nho giáo chủ yếu đề cập hai mối quan hệ, đó là quan hệ giữa con người với trời đất và quan hệ giữa con người với con người. Trong mỗi quan hệ giữa con người với con người, Nho giáo đề cập đến 5 mối quan hệ cơ bản (ngũ luân): quân - thần (vua - tôi); phụ - tử (cha - con); phu - phụ (vợ - chồng); trưởng - ấu (anh - em, trên - dưới) và bạn bè. Tuy nhiên, Nho giáo còn đưa ra nhiều mối quan hệ cụ thể khác. Trong ngũ luân, Nho giáo đặc biệt coi trọng

3 mối quan hệ (tam cương): quân - thần, phụ - tử, phu - phụ vì theo Nho giáo, đó là những quan hệ cơ bản nhất, rường cột, giềng mối của xã hội. Trong học thuyết đạo đức, Nho giáo đưa ra 5 đức (ngũ thường): nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Trong từng mối quan hệ cụ thể và tùy thuộc vào danh phận của mỗi người, Nho giáo lại đưa ra nhiều đức khác như: trung, hiếu, dũng, cung, khoan, mẫn, huệ, v.v.. Tuy nhiên, trong nhiều công trình nghiên cứu về Nho giáo, các tác giả lại rất ít luận bàn về phạm trù tín, nếu có chỉ là lướt qua và coi tín chỉ là đức cần có của con người trong quan hệ với bạn bè (bằng hữu hữu tín). Thậm chí, nhiều người (trong đó có cả những vị được coi là

¹ Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. ĐT: 0982609012. Email: nguyenthanhbinhtriet@gmail.com

² Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

hoặc tự cho mình là “túc Nho”) lại cho rằng, cùng với thuyết “tam cương”, thuyết “ngũ thường” là do Đồng Trọng Thư (nhà nho tiêu biểu nhất của Hán Nho) xây dựng nên và rằng, ở Khổng Tử, Mạnh Tử (hay Nho giáo tiên Tần) không có khái niệm “ngũ thường”. Nhận định như vậy là chưa thoả đáng. Do vậy, để làm rõ điều này, đặc biệt là phạm trù tín, cần phải dựa vào tư tưởng của Khổng Tử, Mạnh Tử và nhiều nhà nho khác trong Nho giáo tiên Tần đã được ghi chép trong bộ *Tứ thư* (Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử - bốn tác phẩm kinh điển của Nho giáo). Khi xem xét quan điểm của Nho giáo tiên Tần về phạm trù tín thể hiện trong bộ *Tứ thư*, chúng tôi khái quát thành 3 nội dung cơ bản sau: tín trong quan hệ bằng hữu, trong quan hệ xã hội và trong quan hệ vua tôi.

2. Tín trong quan hệ bằng hữu

Khái niệm “bạn bè” trong Nho giáo tiên Tần không phải chỉ bao gồm những người cùng trang lứa, tuổi tác hay cùng giới tính, nghề nghiệp, mà còn bao gồm những người cùng chí hướng (đồng chí) và có đạo đức. Về vấn đề này, khi đề cập đến điều kiện để kết bạn, trong chương *Vạn chương* (phần hạ) của sách *Mạnh Tử*, Mạnh Tử đã chỉ rõ: “Chớ cậy mình lớn tuổi, chớ cậy mình sang cả, chớ cậy thế anh em, mới có thể kết bạn. Kết bạn là dựa vào đức, không thể cậy mình hơn người, bất cứ điều gì” [1, tr.1163]; “Phải là người thiện sĩ (người có học thức sâu rộng và có đạo đức, trong đó đạo đức quan trọng hơn học thức - tác giả) trong làng mới có thể làm bạn với thiện sĩ trong thiên hạ, phải là người thiện sĩ trong nước, mới có thể làm bạn với thiện sĩ trong nước, phải

là người thiện sĩ trong thiên hạ mới có thể làm bạn với thiện sĩ trong thiên hạ” [1, tr.1187]. Ngoài ra, Khổng Tử, Mạnh Tử và nhiều nhà nho tiên Tần còn đặc biệt nhấn mạnh rằng, bạn bè phải là những người có đức tin, có lòng trung tín, có lòng thành tín. Như trong thiên *Tử Hân* của sách *Luận ngữ*, Khổng Tử nói rằng: “Giữ lòng trung tín làm chủ yếu. Không đánh bạn với người chẳng giống mình” [1, tr.415], “Giấu lòng oán hận để kết bạn với người, điều đó là đáng hổ thẹn” [1, tr.310-311]. Còn trong sách *Đại học*, Tăng Tử (Tăng Sâm - học trò của Khổng Tử) thì nói: “Chơi với bạn bè nói ra câu nào cũng giữ chữ tín, người như thế đâu có nói là chưa hề học hỏi, ta cũng bảo rằng đã có học rồi vậy” [1, tr.202]. Mỗi ngày, một trong ba việc, ông đề xem xét lại bản thân mình, đó là “chơi với bạn bè đã thật thành tín chưa” [1, tr.199], v.v..

Như vậy, trong Nho giáo tiên Tần, khái niệm “bạn bè” bao gồm nhiều đối tượng, có thể có địa vị, chức phận khác nhau. Và vì thế, cha mẹ - con cái, vợ - chồng, anh - em, trên - dưới, sang - hèn... có thể là bạn bè của nhau. Nhưng để những đối tượng khác nhau này có thể là bạn bè của nhau thì họ phải có đức tin nói riêng và đạo đức nói chung. Đức tin là nguyên tắc điều chỉnh và ràng buộc trong quan hệ bạn bè.

Nho giáo cho rằng, để có đức tin và gây nên lòng tin của mọi người đối với mình thì mỗi người phải có đạo đức. Mỗi người mà không nhân, nghĩa, lễ, trí thì không thể có đức tin được, không thể tạo lập lòng tin của mọi người đối với mình được. Khi Phàn Trì hỏi về điều nhân, Khổng Tử nói rằng: “Cư xử phải khiêm cung, làm việc

phải kính cẩn, giao thiệp với người phải hết lòng” [1, tr.513]. Nho giáo còn đặc biệt nhấn mạnh rằng, mỗi người cần thành tín, trung tín ngay cả đối với người đã gây oán thù cho mình. Chẳng hạn như trong thiên *Hiến Ván* của sách *Luận ngữ*, Khổng Tử nói rằng: “Phải lấy lòng ngay thẳng mà đối xử với kẻ gây oán thù, và lấy lòng tốt đáp lại lòng tốt (của người)” [1, tr.551]. Còn trong thiên *Nhan Uyên* của sách *Luận ngữ*, khi Tử Cống hỏi về cách giao tiếp với bạn bè, Khổng Tử chỉ rõ: “Thật lòng khuyên bảo, nhưng phải khéo dẫn dụ. Nếu không được thì ngừng lại ngay” [1, tr.495]. Để có đức tín và có lòng tin nơi bạn bè, Nho giáo tiên Tần đòi hỏi bạn bè phải thương yêu nhau, phải thành thật khuyên bảo nhau, phải giúp người bạn sửa lỗi và chế thắng các tính hiếu thắng, khoe khoang, oán giận và ham muốn một cách thật lòng và tự mình phải thật lòng sửa lỗi của mình. Khổng Tử nói: “Có lỗi mà không sửa mới thật là lỗi” [1, tr.582].

Khi đề cập quan hệ bạn bè, Nho giáo còn nhấn mạnh đến việc thi hành đức tín. Theo đó, bạn bè cần ngay thẳng, phải hiểu nhau, phải lượng thứ cho nhau, phải hiểu biết nhiều (trí) để giúp nhau trên con đường học vấn, tu dưỡng và phát huy đạo đức. Nếu không như thế thì “bạn bè” chỉ là những kẻ đàn đúm, rượu chè, chơi bời, phóng đãng. Như trong thiên *Quý Thị* của sách *Luận ngữ*, Khổng Tử chỉ rõ: “Bạn bè giúp ích cho ta có ba hạng, bạn bè làm hại ta cũng có ba hạng. Bạn ngay thẳng, bạn rộng lượng, bạn nghe biết nhiều là những người giúp ích cho ta. Bạn giả bộ, bạn khéo chiều chuộng, bạn khéo nói là những người

làm hại ta” [1, tr.599-600]. Theo Khổng Tử, lấy văn chương để kết bạn, nhờ bạn bè giúp nhau phát huy đức nhân, là nhân cách của người quân tử [1, tr.495]; người khéo nói, khéo mồm, là người ít đức nhân. Ông viết: “Khéo mồm khéo miệng, mặt mũi tươi tỉnh, người như thế ít có lòng nhân” [1, tr.198], “Kẻ tiểu nhân thường hay dùng lời lẽ đẹp để che giấu lỗi của mình” [1, tr.622]. Khổng Tử còn chỉ rõ: “Bằng hữu hữu chí”, “Bằng hữu tín chí” [1, tr.312]. Điều đó có nghĩa rằng, mọi người trong quan hệ bạn bè đều cần có đức tín, tín không chỉ là điều kiện để tạo lập xã hội lý tưởng, mà còn là một trong những đặc trưng cơ bản của xã hội ấy.

3. Tín trong quan hệ xã hội

Nho giáo luôn khẳng định “ngũ thường” là 5 đức, cần có của mỗi người. Và như trên đã trình bày, người này kết bạn với người khác chủ yếu dựa trên đức tín (lòng tin, sự tin cậy), đạo đức, sự thành thật, hết lòng và đức trí (sự hiểu biết), không phân biệt tuổi tác, đẳng cấp, danh phận, nghề nghiệp. Cha - con, vợ - chồng, anh - em, trên - dưới đều có thể là bạn bè của nhau. Cha - con, vợ - chồng, trên - dưới... phải có lòng tin với nhau. Để có đức tín, để tạo được lòng tin cho nhau, trong từng mối quan hệ cụ thể, Nho giáo tiên Tần lại đưa ra những yêu cầu đạo đức khác nhau. Cụ thể là, trong quan hệ cha mẹ - con cái, để có đức tín đối với con cái, cha mẹ phải có đức “từ”, tức là phải luôn nuôi dưỡng, chăm sóc, yêu thương con cái... Ngược lại, để có đức tín đối với cha mẹ, con cái phải có đức hiếu. Trong sách *Luận ngữ* và sách *Mạnh Tử*, Khổng Tử và Mạnh Tử đã đưa ra và lý giải nhiều tiêu

chuẩn của một người con có hiếu như: nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ phải thành kính; khi cha mẹ chết phải chôn cất theo lễ; phải học để làm vẻ vang cho gia đình, cho cha mẹ; phải sinh con trai để thờ cúng tổ tiên và nối dõi tông đường... Trong quan hệ chồng vợ, vợ chồng phải luôn thương yêu, có trách nhiệm với nhau; chồng phải là chỗ dựa của người vợ; vợ phải biết nghe theo, làm theo lời chồng, phải có 4 đức (tứ đức) cơ bản là công, dung, ngôn, hạnh.

Nho giáo tiên Tần cho rằng, khi mọi người, có đức tín thì xã hội mới “tín mục”, “hoà mục”, như Khổng Tử chỉ rõ trong thiên *Vi chính* của sách *Luận ngữ*: “Người mà không thành tín, chẳng biết có thể làm nên chuyện gì” [1, tr.234].

Trong phạm trù tín, Nho giáo tiên Tần còn đòi hỏi mọi người tin tưởng tuyệt đối vào trời, mệnh trời, ý trời và đạo trời. Theo đó, trời là thực thể sinh ra muôn vật, muôn loài, muôn người (vạn vật bản hồ thiên), chi phối sự hình thành, phát triển của tất cả, ngay cả số phận, thân phận của con người. Khổng Tử, Tử Hạ nhiều lần khẳng định rằng “sống chết có số, giàu sang bởi trời” [1, tr.476]. Trong thiên *Tận tâm* (phần thượng) của sách *Mạnh Tử*, Mạnh Tử nói: “Chẳng có điều gì là không do số mệnh. Hãy thuận theo ý trời mà chấp nhận số mệnh chính đáng. Vì thế, người nào biết mệnh trời thì không đứng dưới bức tường sắp đổ. Hết lòng giữ đạo mà chết, là do số mệnh chính đáng”. Khổng Tử, trong thiên *Hiển Ván* của sách *Luận ngữ* cũng thừa nhận rằng: “Đạo của ta được thi hành là do mệnh trời, (đạo của ta) phải phé bỏ cũng do

mệnh trời” [1, tr.553]. Ngay cả cái bản tính của con người là “dã trực” (vồn lành, ngay thẳng), là thiện, theo Nho giáo, cũng là do trời phú cho... Để có lòng tin vào trời, Nho giáo luôn khuyên mọi người phải biết mệnh trời, sợ mệnh trời, phải hết lòng, hết dạ vì mọi người, tận tâm trong công việc và phải ham thích làm điều nhân... Cái biết, cái sợ mệnh trời đó, theo Khổng Tử, còn là yêu cầu cao nhất về mặt đạo đức của người quân tử, của người cai trị. Nho giáo tiên Tần cũng khuyên con người tin vào quỷ thần vì nó là “anh linh của trời đất”, phải kính nó, nhưng cũng phải lánh xa nó (kính nhi viễn chi).

4. Tín trong quan hệ vua tôi

Đây là nội dung chủ yếu nhất trong phạm trù tín của Nho giáo nói chung, đặc biệt là Nho giáo tiên Tần nói riêng. Nội dung này được phản ánh rõ nhất trong quan niệm của Nho giáo tiên Tần về mối quan hệ vua - tôi.

Như trên đã trình bày, vì đức tín có vai trò quan trọng như vậy, cho nên “tín” là một trong những nội dung giáo dục, giáo hoá chủ yếu trong tư tưởng giáo dục của Nho giáo (văn, hạnh, trung, tín). Nhà vua, theo Nho giáo tiên Tần, phải chuộng hiếu tín, vì “người trên chuộng chữ tín, ắt dân chẳng ai dám không thật lòng” [1, tr.500], phải dốc lòng tin (vào đạo), phải giữ lòng trung tín và phải thành tín... Nhà vua, có được cái đức tín thì mới có được cái lòng tin tuyệt đối vào trời, mệnh trời; mới có thể làm tròn cái bổn phận thiên tử (con trời) và thay trời trị dân, hành đạo; từ đó mới gây được lòng tin ở người dân đối với họ.

Nho giáo tiên Tần ngay từ đầu đặc biệt coi trọng vai trò của lòng tin của dân (dân tín, dân tâm) đối với sự bền vững của ngôi vua, sự hưng - vong, thịnh - suy của quốc gia. Trong thiên *Nhan Uyên* của sách *Luận ngữ*, Khổng Tử cho rằng, nhà vua phải quan tâm đến ba điều: binh lực để bảo vệ dân, lương thực để nuôi dân và lòng tin của dân. Trong ba điều này, Khổng Tử đặc biệt coi trọng “dân tín” vì theo ông, dân mà không tin cậy nhà vua thì quốc gia sẽ sụp đổ (vô tín bất lập) [1, tr.478-479]. Nho giáo tiên Tần đã nhận thức đúng về vai trò của dân, dân là lực lượng sáng tạo ra của cải vật chất, là nền tảng cơ bản của xã hội, là lực lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ nhà vua. Từ đó, nhà Nho luôn khuyên nhà vua, phải coi dân là gốc: “dân vi bản” (Khổng Tử), “dân vi bang bản”, “dân vi quý” (Mạnh Tử), dân là nước (Tuân Tử). Trong thiên *Tận tâm* (phần hạ) của sách *Mạnh Tử*, Mạnh Tử chỉ rõ thêm: “Các vua chư hầu có ba điều phải coi là quý trọng: đất đai, dân chúng và việc chính trị. Người nào coi trọng châu ngọc, tai tương ắt tới thân” [1, tr.1361]. Và cũng bởi vậy mà, Nho giáo khuyên nhà vua phải tin vào dân.

Nhưng để dân tín, để gây dựng được lòng tin của dân, Khổng Tử và Mạnh Tử đều khẳng định, mọi chính sách của nhà vua phải xuất phát từ ý dân, hợp lòng dân và được lòng dân. Như trong thiên *Ly lâu* (phần thượng) của sách *Mạnh Tử*, Mạnh Tử chỉ rõ: “Kiệt, Trụ mất thiên hạ là vì để mất dân, để mất dân là vì để mất lòng người. Muốn được thiên hạ, có đường lối hẳn hoi: hãy được dân là được thiên hạ vậy. Muốn được dân, có đường lối hẳn hoi: hãy được

lòng dân, là được dân vậy. Muốn được lòng người có đường lối hẳn hoi: dân muốn gì hãy đem lại cho thật nhiều, dân ghét điều gì, chớ đem thi thố, thể thôi” [1, tr.1033]. Để được lòng dân, từ đó mà được thiên hạ, ngôi vị nhà vua được duy trì bền vững, nền chính trị hưng thịnh..., nhà vua phải có trách nhiệm với dân. Trách nhiệm của vua đối với dân theo Nho giáo có thể khái quát một số điểm cơ bản sau:

Thứ nhất, nhà vua phải có đạo đức, phải luôn là tấm gương trong việc tu dưỡng đạo đức và thi hành đạo đức; phải thật sự là ngôi Bắc thần để mọi người khắp nơi châu về; phải thật sự là cha mẹ của muôn dân; phải chuộng lễ, nghĩa, tín, không cầu bổng lộc; phải thật sự là người “phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” [1, tr.971]; phải làm trước dân; chịu khó giúp dân; phải ham thích làm việc nhân, việc thiện; phải dùng đức để đối xử với dân; phải cung, khoan, tín, mẫn, huệ, phải làm cho dân có đạo nhân (có đạo đức); phải lấy lòng ngay thẳng mà đối xử với kẻ gây oán thù và lấy lòng tốt đáp lại lòng tốt; phải giúp dân làm giàu; phải “dữ dân đồng lạc” (vui cùng niềm vui của dân), “dữ dân đồng ưu” (lo với cái lo của dân); phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ; phải gây dựng cho dân, dẫn dụ dân, vỗ về và khuyến khích dân; phải giảm thuế khoá cho dân, bảo hộ dân; phải thương xót khi dân phạm tội và không được giết dân; phải tạo ra một xã hội tốt đẹp, có đạo đức (vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con); phải kiến lập được một nền chính trị ngay thẳng [1, tr.487]; phải cất nhắc người ngay thẳng; phải tôn trọng, tin dùng, thân ái và tuyển

dụng người chính trực, người hiền tài [1, tr.63, 230-231, 493, 1355, 1345].

Thứ hai, nhà vua phải thi hành chính sách *dưỡng dân* (chăm lo đời sống vật chất cho dân). Trong kinh, sách theo Nho giáo, dân là con trời, vua được trời giao cho cái mệnh (sứ mệnh) thay trời nuôi dân, giáo dân, trị dân, vua là “cha mẹ của dân”, vì thế vua phải “dưỡng dân” phải nuôi dân, quý trọng mạng sống của họ. Để thi hành hiệu quả chính sách dưỡng dân, theo Nho giáo tiên Tần, nhà vua phải giúp dân làm giàu; phải dạy dân trồng dâu, dệt vải, gieo trồng; phải tạo cho dân có tài sản bền vững (hàng sản); phải cùng với dân cày cấy; phải hạn chế sự đóng góp của dân; phải chia và giao ruộng đất cho dân cày cấy, gieo trồng, và coi đó là công việc trọng đại của chính trị. Trong thiên *Tân tâm* (phần thượng) của sách *Mạnh Tử*, Mạnh Tử chỉ rõ: “Đừng gây khó khăn cho việc ruộng nương, nhẹ bớt thuế khoá; dân sẽ trở nên giàu có”, “Thánh nhân cai trị thiên hạ sao cho đậu và thóc dồi dào như nước và lửa. Đậu và thóc dồi dào như nước và lửa, làm sao dân chúng còn làm chuyện bất nhân” [1, tr.1309]. Để làm cho dân giàu, giúp dân làm giàu, nhà vua không được xâm phạm thời vụ của dân (bất đoạt nông thời). Theo Mạnh Tử: “Đừng vi phạm thời gian làm ruộng của dân, thì thóc lúa ăn không hết. Đừng cho quăng lưới nhiều lần vào hồ ao, thì cá, rùa ăn chẳng hết. Rìu búa lên rừng núi (đốn cây) phải lúc, thì gỗ tốt dùng chẳng hết... đó là bước đầu của việc thi hành vương đạo vậy” [1, tr.722].

Thi hành chính sách “dưỡng dân”, không chỉ tạo nên lòng tin của dân mà còn làm cho

dân có đạo đức, không dám làm chuyện bất nhân. Như Mạnh Tử đã chỉ rõ trong thiên *Lương Huệ Vương* (phần thượng) của sách *Mạnh Tử*: “Đấng minh quân quy định điền sản cho dân, ắt phải lo sao cho dân chúng trông lên đủ thờ cha mẹ, nhìn xuống đủ nuôi vợ con, luôn năm được mùa thì suốt đời no bụng, phải năm mất mùa cũng tránh khỏi chết đói, sau đó mới thúc đẩy dân làm việc thiện, do đó dân tuân theo cũng dễ dàng” [1, tr.758]; người dân “lo khỏi chết còn sợ chưa xong, rảnh đâu mà giữ lễ nghĩa” [1, tr.759]. Ngoài ra, “dưỡng dân” còn là phương tiện hiệu quả nhất để trị dân. Do vậy, ở Nho giáo, kinh tế gắn chặt với đạo đức, với chính trị; các biện pháp kinh tế luôn mang nội dung đạo đức, chính trị và vì những mục đích có tính chính trị.

Thứ ba, bên cạnh việc thi hành chính sách “dưỡng dân”, để được lòng dân và dân tin, Nho giáo tiên Tần còn khuyên nhà vua phải thực hiện chính sách giáo dục - giáo hoá dân. Theo Nho giáo, dân là người hèn kém về đạo đức và trí tuệ, không có việc gì ác mà họ không làm. Khổng Tử nói, con người có thể tàn ác (bất nhân) nếu không được giáo dục - giáo hoá. Theo Tuân Tử, cái bản tính của người dân vốn là ác, do vậy nếu không được giáo dục - giáo hoá thì họ không bao giờ là người lương thiện được. Mạnh Tử chỉ rõ thêm, dân mà không được giáo dục - giáo hoá thì đời sống của họ gần như loài cầm thú. Ông nói: “Làm người phải có đạo lý. Ăn no mặc ấm, nhàn rỗi mà không có giáo dục thì gần với loài cầm thú” [1, tr.949]. Vì vậy, để dân có đạo đức và luôn suy nghĩ, hành

động có đạo đức, ngoài biện pháp kinh tế, Nho giáo luôn coi trọng biện pháp giáo dục - giáo hoá dân bằng đạo đức. Sách *Luận ngữ* và sách *Mạnh Tử* cho thấy, Khổng Tử và Mạnh Tử luôn yêu cầu nhà vua phải dùng đức để giáo hoá, đối xử với dân. Khổng Tử nói: “Dùng chính lệnh để dẫn dắt dân, dùng hình pháp để giữ trật tự, dân tránh khỏi tội nhưng chưa biết hổ thẹn. Dùng đức để dẫn dắt, dùng lễ để giữ trật tự, dân biết hổ thẹn mà tiến tới chỗ tốt lành” [1, tr.215]. Mạnh Tử thì khẳng định: “Dùng sức mạnh để chinh phục, người ta chẳng dám tâm phục, mà chỉ vì không đủ sức (chống lại) thôi. Dùng đức để chinh phục, người ta thật lòng vui vẻ, mà thành thật tín phục” [1, tr.852]. Khi so sánh biện pháp chính trị với biện pháp giáo dục, trong chương *Tận tâm* (phần thượng) của sách *Mạnh Tử*, Mạnh Tử chỉ rõ: “Giáo hoá tốt thu được lòng dân còn hơn là chính trị tốt. Chính trị tốt khiến dân sợ hãi, giáo hoá tốt được dân thương yêu. Chính trị tốt đem lại tài sản cho dân, giáo hoá tốt được lòng dân” [1, tr.1297]. Nhưng việc giáo dục - giáo hoá dân có hiệu quả hay không theo

Nho giáo tiên Tần, điều này còn phụ thuộc chủ yếu vào việc nhà vua có đạo đức, có tu dưỡng đạo đức và có thi hành đạo đức hay không. Về điều này, Tuân Tử nói: “Pháp luật không thể đứng một mình, công việc không thể tự nó thi hành được, có người tốt thì mọi cái đó còn, không có người tốt thì mọi cái đó mất” [2, tr.271].

5. Kết luận

Phạm trù tín trong Nho giáo tiên Tần có 3 nội dung cơ bản như trên. Với việc chỉ ra 3 nội dung cơ bản của phạm trù này, chúng tôi muốn khẳng định những giá trị trường tồn của Nho giáo tiên Tần. Ngoài ra, qua nghiên cứu phạm trù tín trong Nho giáo tiên Tần, chúng tôi muốn góp phần khắc phục nhiều hạn chế trong nghiên cứu và giảng dạy về phạm trù ở nước ta hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chu Hy (1998), *Tứ thư tập chú*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội.
- [2] Lã Trần Vũ (1964), *Lịch sử các học thuyết chính trị Trung Quốc*, Nxb Sự thật, Hà Nội.